

Số: 2902 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 11 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho Công ty CP Đầu tư - Bất động sản Thành Phương để thực hiện dự án Cụm Công nghiệp Tiến Hưng 1 thuộc xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 23/7/2020 của UBND tỉnh thành lập Cụm Công nghiệp Tiến Hưng 1, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất của Công ty CP cao su Đồng Phú, giao UBND thành phố Đồng Xoài quản lý và cho Công ty CP Đầu tư - Bất động sản Thành Phương thuê đất để thực hiện dự án Cụm Công nghiệp Tiến Hưng 1;



Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 757/TTr-STNMT ngày 03/11/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho Công ty CP Đầu tư - Bất động sản Thành Phương để thực hiện dự án Cụm Công nghiệp Tiến Hưng 1, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Mục đích xác định giá đất:

Xác định giá đất cụ thể làm cơ sở tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho Công ty CP Đầu tư - Bất động sản Thành Phương để thực hiện dự án Cụm Công nghiệp Tiến Hưng 1, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

2. Thông tin về khu đất cần xác định giá:

a) Khu đất tọa lạc tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

b) Tổng diện tích đất: 585.305,8 m².

c) Mục đích sử dụng đất:

- Đất cụm công nghiệp: 382.998 m²;

- Đất thương mại, dịch vụ: 30.591,1 m²;

- Đất thủy lợi: 7.724,3 m²;

- Đất công trình năng lượng: 9.777,1 m²;

- Đất cây xanh (Đất công trình công cộng khác): 65.687,2 m²;

- Đất giao thông: 88.528,1 m².

d) Thời điểm định giá: Tháng 12/2020 (Theo Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh).

3. Kết quả xác định giá đất:

STT	Vị trí, loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
Vị trí đất xác định theo Đường ĐH 507 (Đường Nông trường) - đoạn từ giáp ranh đất nông trường đến đường bộ đội				
I	Đất thương mại dịch vụ	30.591,1		38.398.529.332
1	Phạm vi 1	5.245,5	2.520.793	13.222.819.682
2	Phạm vi 2	7.867,8	1.260.396	9.916.543.649
3	Phạm vi 3	8.099,8	1.008.317	8.167.166.037
4	Phạm vi 4	9.378,0	756.238	7.091.999.964
II	Đất cụm công nghiệp	382.998,0		240.798.242.163
1	Phạm vi 1	4.050,7	1.960.617	7.941.871.282
2	Phạm vi 2	9.649,9	980.308	9.459.874.169

STT	Vị trí, loại đất	Diện tích (m ²)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng)
3	Phạm vi 3	31.527,3	784.247	24.725.190.443
4	Phạm vi 4	337.770,1	588.185	198.671.306.269
III	Đất cây xanh (Đất công trình công cộng khác)	65.687,2		56.189.076.441
1	Phạm vi 1	16.288,6	1.680.529	27.373.464.669
2	Phạm vi 2	7.266,7	840.264	6.105.946.409
3	Phạm vi 3	8.738,3	672.211	5.873.981.381
4	Phạm vi 4	33.393,6	504.159	16.835.683.982
IV	Đất giao thông	88.528,1		54.264.948.023
1	Phạm vi 1	5.097,4	1.680.529	8.566.328.525
2	Phạm vi 2	5.651,2	840.264	4.748.499.917
3	Phạm vi 3	10.335,4	672.211	6.947.569.569
4	Phạm vi 4	67.444,1	504.159	34.002.550.012
V	Đất công trình năng lượng	9.777,1		5.001.660.176
1	Phạm vi 3	431,1	672.211	289.790.162
2	Phạm vi 4	9.346,0	504.159	4.711.870.014
VI	Đất thủy lợi	7.724,3		3.894.275.364
1	Phạm vi 4	7.724,3	504.159	3.894.275.364
TỔNG CỘNG		585.305,8		398.546.731.499

Số tiền bằng chữ: Ba trăm chín mươi tám tỷ, năm trăm bốn mươi sáu triệu, bảy trăm ba mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng.

Ghi chú: Giá đất các loại đất tính cho thời hạn sử dụng đất là 70 năm.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Tư pháp, Xây dựng, Công thương, Giao thông vận tải, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Đồng Xoài; Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư - Bất động sản Thành Phương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LDVP, P.KT;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.(Trung)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KỶ CHỨC TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh